

CẤU TRÚC ĐỀ THI HK2 – KHỐI 10

1. Speaking: 2đ
2. Listening: 1đ
3. Reading, Grammar and Vocab (25c→5đ)
 - + Pronunciation: 2c nhấn âm + 2c phát âm
 - + Đồng nghĩa: 1c
 - + Giới từ: 1c
 - + Word form: 1c
 - + Phrasal verbs: 1c
 - + Từ vựng: 3c
 - + Ngữ pháp: 4c
 - Passive voice (simple present, present perfect, modal verb)
 - Relative clause
 - Ving/V/to V
 - If 1,2
 - + Reading: 5c
4. Writing (5c→ 2đ)
 - 1 if 2
 - 1 relative clause (who/which/whose/where)
 - 1 modal verb passive voice
 - 1 simple past → present perfect
 - (S last+V2/ed/The last time +S+V2/ed...was.../it's +time +since +S +last+V2/ed
→S + have/has +not + V3/Ved)
 - 1 reported speech (statement)